

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ P  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2024/DS - ST  
Ngày 27 tháng 11 năm 2024  
“*V/v Tranh chấp hợp đồng  
mua bán gạo*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:** Bà Võ Thị Thanh Thúy

**Các Hội thẩm nhân dân:**

- Ông Quách Đình Hoàng
- Bà Doãn Thị Lệ

**- Thư ký phiên toà:** Ông Thủy Sơn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 344/2024/TLST - DS ngày 10 tháng 10 năm 2024 về “***Tranh chấp Hợp đồng mua bán gạo***” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2024/QĐXXST - DS ngày 08 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn PT

Địa chỉ: Số 69 khóm BPQ, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp

Đại diện theo ủy quyền: Luật sư Ngô Đức N - Văn phòng luật sư Ngô Đức N - Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai

Địa chỉ: Số 203 đường LTT, phường YĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai

(*Giấy ủy quyền của Giám đốc Công ty TNHH PT ngày 07 tháng 10 năm 2024*).

Có mặt

Bị đơn: Cục Dự trữ nhà nước Khu vực BTN

Địa chỉ: Số 235 đường PVD, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H - Phó Cục trưởng phụ trách

Có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 10 năm 2024; các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn PT- ông Ngô Đức N trình bày:**

Cùng ngày 10 tháng 7 năm 2023 Công ty trách nhiệm hữu hạn PT (viết tắt Công ty PT) và Cục Dự trữ nhà nước Khu vực BTN (viết tắt Cục Dự trữ BTN) đã ký kết 02 (hai) Hợp đồng mua bán gạo dự trữ quốc gia số 10/2023/BTN (viết tắt Hợp đồng số 10/2023/BTN) và Hợp đồng mua bán gạo dự trữ quốc gia số 11/2023/BTN (viết tắt Hợp đồng số 11/2023/BTN), số lượng gạo Công ty PT phải giao trong mỗi hợp đồng là 1.000.000 kg gạo với giá 13.420đồng/kg, thành tiền là 13.420.000.000 (mười ba tỷ bốn trăm hai mươi triệu) đồng, thời hạn giao hàng là 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực là 10 tháng 7 năm 2023.

Quá trình thực hiện hợp đồng, mặc dù Công ty PT nỗ lực thu mua gạo nhưng chỉ giao được một phần số lượng gạo của Hợp đồng số 10/2023/BTN và hoàn toàn không còn khả năng thực hiện nghĩa vụ giao hàng đối với Hợp đồng số 11/2023/BTN.

Đối với Hợp đồng số 10/2023/BTN, Công ty PT đã giao được 184.800 kg gạo tương đương với số tiền 2.480.016.000 (hai tỷ bốn trăm tám mươi triệu không trăm mười sáu nghìn) đồng. Cục Dự trữ BTN đã thanh toán 1.933.016.800 (một tỷ chín trăm ba mươi ba triệu không trăm mười sáu nghìn tám trăm) đồng và tạm giữ số tiền 546.999.200 (năm trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm chín mươi chín nghìn hai trăm) đồng cho đến khi hai bên thống nhất thực hiện điều khoản phạt vi phạm hợp đồng theo mục 22E - ĐKC của Hợp đồng số 10/2023/BTN.

Đối với Hợp đồng số 11/2023/BTN, do Công ty PT không có khả năng thực hiện hợp đồng nên hai bên đã thỏa thuận và đi đến thống nhất chấm dứt hợp đồng theo Biên bản thanh lý thống nhất chấm dứt Hợp đồng mua bán gạo dự trữ quốc gia năm 2023 ngày 23 tháng 11 năm 2023; Cục Dự trữ BTN đã thu nộp ngân sách nhà nước tiền bảo đảm hợp đồng Công ty PT đã nộp là 671.000.000 (sáu trăm bảy mươi một triệu) đồng.

Đến ngày 04 tháng 5 năm 2024 Cục Dự trữ BTN đơn phương ban hành Quyết định số 166/QĐ - CDTBTN trong đó chấm dứt thực hiện Hợp đồng số 10/2023/BTN; thu nộp ngân sách nhà nước tiền bảo đảm là 671.000.000 (sáu trăm bảy mươi một triệu) đồng Công ty PT đã nộp khi ký hợp đồng và thu tiền phạt vi phạm tương ứng số lượng gạo giao thiếu là 815.200kg tương đương số tiền 546.999.200 (năm trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm chín mươi chín nghìn hai trăm) đồng mà Cục Dự trữ BTN tạm giữ trước đó.

Điều kiện cụ thể của Hợp đồng số 10/2023/BTN quy định như sau:

E - ĐKC 5.1: Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 5% (Bên B phải nộp)

E - ĐKC 5.3: Trong trường hợp nhà thầu không thực hiện hợp đồng đã ký thì sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng (khoản tiền này được nộp vào ngân sách nhà nước)

E - ĐKC 22: Thời điểm tính phạt. Trường hợp hết thời hạn giao hàng mà bên nhà thầu vẫn chưa giao đủ số lượng gạo đã nêu trong hợp đồng và không tiếp tục thực hiện hợp đồng thì bên nhà thầu bị phạt bằng 5% trên giá trị gạo giao thiếu.

Vì vậy, cùng lúc Cục Dự trữ BTN thực hiện 02 chế tài vi phạm là trái với cam kết giữa hai bên. Công ty PT giao không đủ số lượng gạo theo hợp đồng nên phải chịu phạt 5% trên giá trị số lượng gạo giao thiếu là 546.999.200 (năm trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm chín mươi chín nghìn hai trăm) đồng nhưng đã thực hiện nghĩa vụ giao gạo với số lượng là 184.800kg nên không phải bị thu nộp ngân sách nhà nước đối với tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng là 5% tương ứng số tiền 671.000.000 (sáu trăm bảy mươi một triệu) đồng.

Do quyền lợi bị ảnh hưởng, Công ty PT khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P giải quyết. Tại phiên tòa, Công ty PT giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Cục Dự trữ BTN phải:

- Hoàn trả tiền bảo đảm còn dư sau khi phạt hợp đồng là 124.000.000 đồng.
- Thanh toán tiền gạo đã giao hiện bị tạm giữ là 546.999.200 đồng.
- Thanh toán tiền lãi phát sinh do giữ lại tiền không có căn cứ tính từ ngày chấm dứt hợp đồng mua bán gạo theo Quyết định số 166/QĐ - CDTBTN ngày 04 tháng 5 năm 2024 đến ngày xét xử là ngày 27 tháng 11 năm 2024 là  $671.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 06 \text{ tháng} = 37.836.884 \text{ đồng}$

Tổng cộng là 708.836.884 (bảy trăm lẻ tám triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm tám mươi tư) đồng, tiếp tục tính lãi cho đến khi thi hành án xong.

**2. Theo văn bản số 707/CDTBTN-KH & QLHDT ngày 29 tháng 10 năm 2024, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa đại diện theo pháp luật của bị đơn Cục Dự trữ nhà nước Khu vực BTN - bà Nguyễn Thị H trình bày (trực tiếp giao cho ông Nguyễn Hồng T - Trưởng phòng Kế hoạch và Quản lý hàng dự trữ trình bày):**

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ pháp luật quy định, Cục Dự trữ BTN đã tiến hành lập Hồ sơ mời thầu các gói thầu mua gạo dự trữ quốc gia theo kế hoạch được Tổng cục Dự trữ nhà nước giao năm 2023 trong đó có 02 Gói thầu số 01 và số 02, mỗi gói cung cấp 1.000 tấn gạo, nhập tại Chi cục Dự trữ nhà nước Gia Lai; tổ chức đấu thầu 02 gói thầu theo đúng trình tự, thủ tục và đơn vị trúng thầu là Công ty Phát Tài.

Sau đó, ngày 10 tháng 7 năm 2023 Cục Dự trữ BTN và Công ty PT đã ký kết 02 (hai) Hợp đồng mua bán gạo dự trữ quốc gia là Hợp đồng số 10/2023/BTN và Hợp đồng số 11/2023/BTN, hai hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký.

Đối với Hợp đồng số 11/2023/BTN: Theo đề nghị thanh lý hợp đồng do không có hàng để giao tại văn bản số 08/PT - CDTBTN/2023 ngày 05 tháng 9 năm 2023 của công ty Phát Tài, ngày 23 tháng 11 năm 2023, Cục Dự trữ BTN đã ký biên bản thanh lý thống nhất chấm dứt Hợp đồng số 11/2023/BTN và hai bên không phát sinh tranh chấp.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty PT, Cục Dự trữ BTN có ý kiến như sau:

- Về yêu cầu hoàn trả tiền bảo đảm còn dư sau khi phạt hợp đồng là 124.000.000 đồng: Tại mục E - ĐKC 5.1 và E - ĐKC 5.3 - Phụ lục Hợp đồng số 10/2023/BTN giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 5% và quy định “trường hợp nhà thầu không thực hiện hợp đồng

*đã ký thì không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng (khoản tiền này sẽ được nộp vào ngân sách nhà nước) ”.*

Áp dụng khoản 5 Điều 66 Luật đấu thầu năm 2013 quy định “Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;*
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;*
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.”*

Công ty PT từ chối giao hàng khi hợp đồng đã có hiệu lực nên không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng. Đây là khoản tiền bảo đảm cho cả hợp đồng, không phải riêng cho từng đơn vị sản phẩm, Cục Dự trữ BTN thu toàn bộ tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng là 671.000.000 (sáu trăm bảy mươi một triệu) đồng nộp vào ngân sách là đúng theo quy định của pháp luật.

*- Về yêu cầu thanh toán tiền gạo đã giao hiện bị tạm giữ là 546.999.200 đồng.*

Theo thỏa thuận tại Hợp đồng số 10/2023/BTN, Công ty PT phải giao cho Cục Dự trữ BTN 1.000.000 kg gạo, hạn giao đến ngày 07 tháng 9 năm 2023.

Theo Thông báo giao hàng (cho cả 2 hợp đồng số 10/2023/BTN và số 11/2023/BTN) ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Công ty PT, số lượng hàng được giao là 2.000 tấn gạo, bắt đầu giao từ ngày 04 tháng 8 năm 2023. Đồng thời Công ty PT cũng gửi Chứng thư giám định về chất lượng và số lượng hàng hóa ngày 26 tháng 7 năm 2023 nêu rõ khối lượng lô gạo là 1.000 tấn tịnh, số lượng 20.000 bao, địa điểm đóng hàng tại Kho công ty PT, gạo đủ tiêu chuẩn nhập kho dự trữ quốc gia. Như vậy, vào thời điểm này trong kho của Công ty PT đã có sẵn 1.000 tấn gạo. Đến ngày 07 tháng 8 năm 2023, Công ty PT giao 184,800 tấn/1.000 tấn, số lượng gạo chưa giao là 815,200 tấn.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, Cục Dự trữ BTN có văn bản số 470/CDTBTN - KH&QLHDT nêu rõ: “*Trường hợp đến ngày 07/9/2023 hết thời hạn thực hiện các hợp đồng trên mà Công ty TNHH PT vẫn chưa giao hàng thì sẽ thực hiện theo điều khoản E-ĐKC 22 điều kiện cụ thể của hợp đồng:*

*1. Trường hợp hết thời hạn giao gạo mà Công ty TNHH PT vẫn chưa giao đủ số lượng gạo đã nêu trong hợp đồng và không tiếp tục thực hiện hợp đồng thì Công ty TNHH PT bị phạt 5% trên giá trị gạo giao thiếu.*

*2. Trường hợp hết thời hạn giao gạo mà Công ty TNHH PT vẫn chưa giao đủ số lượng gạo đã nêu trong hợp đồng và có đề nghị tiếp tục giao gạo bằng văn bản, đồng thời được Cục DTNN khu vực BTN gia hạn thực hiện hợp đồng thì Công ty TNHH PT bị phạt như sau: Mức khấu trừ: 0,03%/ngày/số lượng gạo giao chậm, Tổng mức phạt tối đa là 8% trên giá trị gạo giao chậm”.*

Cùng ngày 05 tháng 9 năm 2023, Công ty PT gửi văn bản số 07/PT -CDTBTN/2023 thông báo không đủ hàng để giao tiếp và xin thanh lý hợp đồng.

Xét thấy đề nghị của Công ty PT không phù hợp với số lượng hàng có tại kho theo nội dung Chứng thư giám định về chất lượng và số lượng hàng hoá đã phát hành ngày 26 tháng 7 năm 2023. Áp dụng các quy định của Luật đấu thầu năm 2013, các điều khoản của Hợp đồng số 10/2023/BTN, Cục Dự trữ BTN đã phạt vi phạm hợp đồng theo điểm ĐKC-22 Điều kiện cụ thể của hợp đồng là 5% giá trị gạo giao thiếu với số tiền là 546.999.200 (năm trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm chín mươi chín nghìn hai trăm) đồng.

- Về yêu cầu thanh toán tiền lãi phát sinh do giữ lại tiền không có căn cứ là 27.846.500 đồng.

Tại Biên bản làm việc ngày 09 tháng 11 năm 2023, Cục Dự trữ BTN và Công ty PT đã thống nhất “Số tiền Cục DTNN khu vực BTNN giữ lại để xử lý vi phạm hợp đồng là 546.999.200 đồng cho đến khi hai bên thống nhất thực hiện điều khoản phạt vi phạm hợp đồng theo quy định tại Mục 22-ĐKC điều kiện cụ thể của hợp đồng số 10/2023/BTN”.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, Cục Dự trữ BTN có văn bản số 262/CDTBTN - KH&QLHDT (kèm theo Biên bản thanh lý hợp đồng đã được Cục trưởng Cục Dự trữ BTN ký) nêu rõ “đến ngày 20/4/2024 công ty TNHH PT vẫn không ký thanh lý hợp đồng xem như đã chấp thuận các nội dung tại mục E-ĐKC 22 điều kiện cụ thể của hợp đồng về vấn đề phạt vi phạm hợp đồng...”.

Ngày 04 tháng 5 năm 2024, Cục Dự trữ BTN đã có Quyết định số 166/QĐ -CDTBTN về việc chấm dứt Hợp đồng số 10/2023/BTN, gửi cho Công ty PT và đăng tải công khai trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia vào ngày 22 tháng 5 năm 2024.

Đến ngày 05 tháng 9 năm 2024 (hơn 90 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định số 166/QĐ-CDTBTN), Cục Dự trữ BTN đã nộp số tiền tạm giữ là 546.999.200 đồng vào ngân sách nhà nước. Vì vậy, việc Công ty PT yêu cầu Cục Dự trữ BTN phải thanh toán tiền lãi phát sinh do giữ lại tiền không có căn cứ là không đúng.

Căn cứ vào các nội dung trên, Cục Dự trữ BTN không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của Công ty Phát Tài.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Cho rằng việc Cục Dự trữ BTN đã thu nộp ngân sách nhà nước cả hai khoản tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng và tiền phạt do vi phạm hợp đồng tại Quyết định số 166/QĐ-CDTBTN ngày 04 tháng 5 năm 2024 không phù hợp với thỏa thuận tại Hợp đồng mua bán gạo dự trữ quốc gia số 10/2023/BTN ngày 10 tháng 7 năm 2023 gây thiệt hại lợi ích hợp pháp nên Công ty PT đã phát sinh quyền khởi kiện.

Tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng mua bán gạo dự trữ quốc gia số 10/2023/BTN ngày 10 tháng 7 năm 2023 giữa Cục Dự trữ BTN và Công ty PT trong khuôn khổ thực hiện Kế hoạch Tổng cục dự trữ nhà nước giao năm 2023 nên chỉ có một bên tham gia giao dịch có đăng ký kinh doanh và mục đích lợi nhuận nên đây là tranh chấp hợp đồng dân sự cụ thể Tranh chấp Hợp đồng mua bán gạo; địa chỉ trụ sở của bị đơn đặt tại địa bàn thành phố P; tại

Điều E - ĐKC 7.2 Hợp đồng số 10/2023/BTN hai bên đã thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết tranh chấp nhưng nội dung thỏa thuận trái với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên không có hiệu lực thi hành. Vì vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

[2] Hợp đồng số 10/2023/BTN được ký kết dựa trên kết quả đấu thầu công khai; điều khoản chung và điều khoản cụ thể dựa trên hợp đồng mẫu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành, Cục Dự trữ BTN đã công khai trong E - Hồ sơ mời thầu và được Công ty PT chấp nhận theo văn bản số 05/PT - CDTBTN/2023 ngày 07 tháng 7 năm 2023; chủ thể giao kết hợp đồng đúng thẩm quyền; nội dung, mục đích phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao cho Cục Dự trữ BTN. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hợp đồng số 10/2023/BTN có hiệu lực pháp luật.

Theo Điều 2 Hợp đồng số 10/2023/BTN, nội dung hợp đồng và phụ lục có hiệu lực cao nhất sau đó đến biên bản thương thảo hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng ưu tiên áp dụng so với điều kiện chung khi phát sinh tranh chấp.

Theo Hợp đồng số 10/2023/BTN vi phạm nghĩa vụ giao gạo nhập kho Cục Dự trữ BTN, Công ty PT đối mặt với hai chế tài: Không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng là 5% giá hợp đồng theo Điều E - ĐKC 5.3 Điều kiện cụ thể của hợp đồng và chịu phạt hợp đồng tương ứng với 5% trên giá trị gạo giao thiếu theo Điều E - ĐKC 22 Điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng là 671.000.000 (sáu trăm bảy mươi một triệu) đồng được Công ty PT nộp sau khi ký Hợp đồng số 10/2023/BTN đã được Cục Dự trữ BTN thu nộp ngân sách nhà nước và tiền phạt vi phạm hợp đồng là 546.999.200 (năm trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm chín mươi chín nghìn hai trăm) đồng được khấu trừ vào tiền gạo tạm giữ theo thỏa thuận tại Biên bản làm việc ngày 09 tháng 11 năm 2023.

[2.1] Đối với chế tài phạt vi phạm:

Nội dung phạt vi phạm hợp đồng được thỏa thuận tại Điều E - ĐKC 22 Điều kiện cụ thể của hợp đồng phù hợp Điều 418 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Công ty PT chấp thuận Cục Dự trữ BTN áp dụng chế tài phạt vi phạm Hợp đồng số 10/2023/BTN là 5% trên giá trị gạo giao thiếu.

Cách thức phạt vi phạm được thực hiện bằng cách khấu trừ tương đương số tiền gạo phải thanh toán mà Cục Dự trữ BTN đã tạm giữ tại Biên bản làm việc ngày 09 tháng 11 năm 2023. Như vậy Hội đồng xét xử xác định Công ty PT đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu phạt vi phạm hợp đồng. Đồng nghĩa Hội đồng xét xử không xem xét đến yêu cầu thanh toán tiền gạo Công ty PT đã giao bị tạm giữ cũng như không khấu trừ tiền phạt vi phạm hợp đồng vào tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng.

[2.2] Đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng

Điều E - ĐKC 5.3 Điều kiện cụ thể của Hợp đồng số 10/2023/BTN quy định như sau: Đoạn 1 -*“Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được hoàn trả lại cho nhà thầu trong vòng 15 ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu hàng hóa.”*

Đoạn 2 - *“Trường hợp nhà thầu không thực hiện hợp đồng đã ký thì sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng (khoản tiền này sẽ nộp vào ngân sách nhà nước)”*

Đối chiếu với nội dung của Điều E - ĐKC 5.3 Điều kiện cụ thể của hợp đồng mẫu được công khai tại E - Hồ sơ mời thầu cho thấy Đoạn 2 là thỏa thuận riêng giữa Cục Dự trữ BTN và Công ty PT ngoài nội dung bắt buộc được các bên thống nhất ghi nhận vào Hợp đồng số 10/2023/BTN. Nội dung này thể hiện ý chí của các bên giao kết thống nhất thu hẹp trường hợp không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng so với Điều 66 Luật Đấu thầu năm 2013 và Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ theo quy định tại Điều 2 Hợp đồng số 10/2023/BTN Đoạn 2 có hiệu lực thi hành cao nhất và mặc nhiên loại trừ các trường hợp khác được quy định tại Điều 66 Luật Đấu thầu năm 2013 và Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Như vậy, hành vi giao thiếu số lượng gạo là 815,2 tấn/1.000 tấn của Công ty PT theo Điều 274 và khoản 1 Điều 351 Bộ luật Dân sự năm 2015 được xác định là thực hiện không đúng nội dung nghĩa vụ hay thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ, không thuộc trường hợp không thực hiện nghĩa vụ. Vì vậy, việc Cục Dự trữ BTN thu nộp ngân sách nhà nước đối với tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng với số tiền 671.000.000 (sáu trăm bảy mươi một triệu) đồng là không đúng nội dung cam kết hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng số 10/2023/BTN.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi, Công ty PT yêu cầu tính lãi đối với 02 khoản tiền:

Khoản tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng sau khi khấu trừ tiền phạt vi phạm còn lại 124.000.800 (một trăm hai mươi tư triệu tám trăm) đồng và tiền gạo phải thanh toán cho Công ty PT là 546.999.200 (năm trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm chín mươi chín nghìn hai trăm) đồng.

Tuy nhiên, tại Biên bản làm việc ngày 09 tháng 11 năm 2023 Cục Dự trữ BTN và Công ty PT thống nhất tạm giữ tiền gạo phải thanh toán để xử lý vi phạm và thực tế Cục Dự trữ BTN đã phạt vi phạm bằng cách khấu trừ tiền gạo phải thanh toán nên không có căn cứ tính lãi.

Tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng Công ty PT đã nộp là 671.000.000 đồng nhưng chỉ yêu cầu tính lãi trên số tiền 124.000.800 (một trăm hai mươi tư triệu tám trăm) đồng, đây là sự tự nguyện của bên được thi hành và có lợi cho người phải thi hành nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bản chất đây bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng khoản tiền cố định nên lãi chỉ được tính kể từ thời điểm vi phạm thời hạn trả với lãi suất tính theo lãi chậm trả quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 10%/năm.

Theo Đoạn 1 Điều E - ĐKC 5.3 Điều kiện cụ thể của Hợp đồng số 10/2023/BTN, thời hạn trả tiền bảo đảm là 15 ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu nhưng Công ty PT giao thiếu số lượng gạo đã thỏa thuận nên biên bản nghiệm thu đối với số lượng gạo đã giao không đủ căn cứ làm mốc thời gian tính lãi; hạn tính lãi phải được xác định từ thời điểm Cục Dự trữ BTN thực hiện hành vi pháp lý công khai chấm dứt hợp đồng bằng Quyết định số 166/QĐ -CDTBTN ngày 04 tháng 5 năm 2024; theo đó tiền lãi được tính từ ngày 04 tháng 5 năm 2024 đến ngày 27 tháng 11 năm 2024 là 06 tháng 23 ngày

$124.000.800 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 06 \text{ tháng } 23 \text{ ngày} = 6.992.267$  (sáu triệu chín trăm chín mươi hai nghìn hai trăm sáu mươi bảy) đồng.

[4] Như vậy, Cục Dự trữ BTN thu nộp ngân sách nhà nước đối với tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng của Công ty PT trái với nội dung cam kết tại Hợp đồng số 10/2023/BTN nên cần buộc Cục Dự trữ BTN hoàn trả cho Công ty PT tổng số tiền là bảo đảm là 677.992.267 (sáu trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm chín mươi hai nghìn hai trăm sáu mươi bảy) đồng trong đó tiền bảo đảm là 671.000.000 đồng và tiền lãi là 6.992.267 đồng.

[5] Về án phí: Công ty PT phải chịu án phí đối với tiền lãi của tiền gạo chưa thanh toán là  $546.999.200 \text{ đồng} \times 10\% \times 06 \text{ tháng } 23 \text{ ngày} = 30.844.617$  (ba mươi triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm mười bảy) đồng, tương ứng:

$30.844.617 \text{ đồng} \times 5\% = 1.542.234$  (một triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm ba mươi tư) đồng

Cục Dự trữ BTN phải chịu án phí đối với tiền bảo đảm và tiền lãi phải trả cho Công ty Phát Tài, tương ứng:

$20.000.000 \text{ đồng} + 4\% \times 277.992.267 \text{ đồng} = 31.119.691$  (ba mươi một triệu một trăm mười chín nghìn sáu trăm chín mươi một) đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các Điều 117, Điều 274, Điều 351, Điều 357, Điều 418, Điều 430, Điều 437 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 4; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 180, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn PT về việc yêu cầu Cục Dự trữ nhà nước Khu vực BTN hoàn trả tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Buộc Cục Dự trữ nhà nước Khu vực BTN trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn PT số tiền 677.992.267 (sáu trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm chín mươi hai nghìn hai trăm sáu mươi bảy) đồng

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**- Về án phí:**

Công ty trách nhiệm hữu hạn PT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.542.234 (một triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm ba mươi tư) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.976.930 (mười lăm triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn chín trăm ba mươi) đồng theo biên lai thu tiền số 000554 ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố P. Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn PT số tiền chênh lệch là 14.434.696 (mười bốn triệu bốn trăm ba mươi tư nghìn sáu trăm chín mươi sáu) đồng.

Cục Dự trữ nhà nước Khu vực BTN phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 31.119.691 (ba mươi một triệu một trăm mười chín nghìn sáu trăm chín mươi một) đồng sung công quỹ nhà nước.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
Đã lý  
Võ Thị Thanh Thúy

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



